

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Bản án số: 76/2025/HS-PT

Ngày 18 - 8 - 2025

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Giang.

Các thẩm phán: Ông Lê Quang Toại;
Ông Vũ Văn Thuấn.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Phong – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Huy Bình – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 8 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 87/2025/TLPT-HS ngày 22 tháng 5 năm 2025 đối với bị cáo Lương Thị T do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi (Nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – Quảng Ngãi) đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 17/2025/HS-ST ngày 20/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Quảng Ngãi).

- Bị cáo bị kháng nghị:

Họ và tên: Lương Thị T, sinh ngày 20/12/1965 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: Tổ dân phố P, thị trấn C, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi (Nay là xã N, tỉnh Quảng Ngãi); căn cước công dân số 051165007810; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Lương T1 và bà Nguyễn Thị G (đều đã chết); có chồng và 04 con, lớn nhất sinh năm 1984, nhỏ nhất sinh năm 1996; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26/4/2024 cho đến nay, bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lương Thị T làm nghề buôn bán và cho vay trả góp tại thị trấn C, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi. Khi người vay có nhu cầu vay tiền thì đến gặp T, thỏa thuận về việc vay tiền, trả lãi, số tiền trả góp hàng ngày, thời gian góp và trả trước khoản tiền lãi khi nhận tiền vay. Trong thời gian người vay đang trả góp khoản tiền gốc cho T, mặc dù chưa hết thời hạn trả theo thỏa thuận nhưng người vay muốn tiếp tục vay tiền thì phải trả đủ số tiền gốc và lãi của lần vay trước. Với hành vi, thủ đoạn như trên, từ khoảng cuối năm 2019 đến ngày 27/12/2023, Lương Thị T đã nhiều lần cho vay với lãi suất từ 104%/năm đến 1.217%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự đối với 20 người vay, với tổng số tiền cho vay là 1.569.500.000 đồng, thu lợi bất chính 142.816.028 đồng, cụ thể:

1. Bà Đặng Thị Thu H vay 05 lần, tổng số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất từ 174%/năm đến 1217%/năm, gấp 8,7 đến 60,85 lần của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Tổng số tiền gốc và lãi đã trả cho T là 55.000.000 đồng; trong đó, tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 432.877 đồng, tiền lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 4.567.123 đồng.

2. Bà Nguyễn Thị Thu H1 vay 07 lần, tổng số tiền 52.000.000 đồng, lãi suất từ 118%/năm đến 332%/năm, gấp 5,9 đến 16,6 lần của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Tổng số tiền gốc và lãi đã trả cho T là 57.500.000 đồng; trong đó, tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 751.781 đồng, tiền lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 4.448.219 đồng.

3. Bà Trần Thị Bích H2 vay 22 lần, tổng số tiền 75.000.000 đồng, lãi suất từ 228%/năm đến 1217%/năm, gấp 11,4 đến 60,85 lần của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Tổng số tiền gốc và lãi đã trả cho T là 82.500.000 đồng; trong đó, tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 453.699 đồng, tiền lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 7.046.301 đồng.

4. Bà Trịnh Thị Kiều H3 vay 01 lần, số tiền 15.000.000 đồng, lãi suất là 174%/năm, gấp 8,7 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Tổng số tiền gốc và lãi đã trả cho T là 16.500.000 đồng; trong đó, tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 172.603 đồng, tiền lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 1.327.397 đồng.

5. Bà Trần Thị Mỹ L vay 26 lần, tổng số tiền là 260.000.000 đồng, lãi suất từ 118%/năm đến 365%/năm, gấp 5,9 đến 18,25 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Tổng số tiền gốc và lãi đã trả cho T là 276.200.000 đồng; trong đó, tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 2.032.877 đồng, tiền lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy

định của Bộ luật Dân sự là 24.167.123 đồng. Bà L chưa trả 10.000.000 đồng tiền gốc cho T.

6. Bà Võ Thị N vay 22 lần, tổng số tiền là 162.000.000 đồng, lãi suất từ 192%/năm đến 913%/năm, gấp 9,6 đến 45,65 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Tổng số tiền gốc và lãi đã trả cho T là 178.200.000 đồng; trong đó, tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 1.046.575 đồng, tiền lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 15.153.425 đồng.

7. Bà Trần Thị Cẩm N1 vay 02 lần, tổng số tiền là 10.000.000 đồng lãi suất từ 104%/năm đến 108%/năm, gấp 5,2 đến 5,4 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Tổng số tiền gốc và lãi đã trả cho T là 10.800.000 đồng; trong đó, tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 150.685 đồng, tiền lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 649.315 đồng.

8. Bà Phạm Thị P vay 02 lần, tổng số tiền là 6.000.000 đồng lãi suất từ 118%/năm đến 183%/năm, gấp 5,9 đến 9,15 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Tổng số tiền gốc và lãi đã trả cho T là 6.600.000 đồng; trong đó, tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 83.836 đồng, tiền lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 516.164 đồng.

9. Bà Huỳnh Thị Công Q vay 23 lần, tổng số tiền là 108.000.000 đồng, lãi suất từ 274%/năm đến 456%/năm, gấp 13,7 đến 22,8 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Tổng số tiền gốc và lãi đã trả cho T là 108.000.000 đồng; trong đó, tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 508.493 đồng, tiền lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 8.591.507 đồng.

10. Bà Trần Thị Kim T2 vay 09 lần, tổng số tiền là 45.000.000 đồng, lãi suất từ 108%/năm đến 172%/năm, gấp 5,4 đến 8,6 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Tổng số tiền gốc và lãi đã trả cho T là 48.600.000 đồng; trong đó, tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 536.986 đồng, tiền lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 3.063.014 đồng.

11. Bà Trần Thị Thanh T3 vay 01 lần, 3.000.000 đồng, lãi suất vay 118%/năm, gấp 5,9 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Tổng số tiền gốc và lãi đã trả cho T là 3.300.000 đồng; trong đó, tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 50.959 đồng, tiền lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 249.041 đồng.

12. Bà Nguyễn Thị Thùy T4 vay 41 lần, tổng số tiền là 465.000.000 đồng, lãi suất từ 112%/năm đến 608%/năm, gấp 5,6 đến 30,4 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Tổng số tiền gốc và lãi đã trả cho T là 488.100.000 đồng; trong đó, tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 2.073.973 đồng, tiền lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy

định của Bộ luật Dân sự là 44.576.712 đồng. Bà T4 chưa trả 23.400.000 đồng tiền gốc cho T.

13. Bà Nguyễn Thị Thùy T5 vay 02 lần, tổng số tiền là 20.000.000 đồng, lãi suất 209%/năm, gấp 10,45 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Tổng số tiền gốc và lãi đã trả cho T là 21.600.000 đồng, trong đó, tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 153.524 đồng, tiền lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 1.446.575 đồng.

14. Bà Lê Thị Kim T6 vay 02 lần, tổng số tiền là 6.000.000 đồng, lãi suất từ 152%/năm đến 174%/năm, gấp 7,6 đến 8,7 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Tổng số tiền gốc và lãi đã trả cho T là 6.000.000 đồng; trong đó, tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 73.973 đồng, tiền lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 526.027 đồng.

15. Bà Bùi Thị Hồng T7 vay 08 lần, tổng số tiền là 41.000.000 đồng, lãi suất từ 192%/năm đến 608%/năm, gấp 9,6 đến 30,4 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Tổng số tiền gốc và lãi đã trả cho T là 45.000.000 đồng; trong đó, tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 255.890 đồng, tiền lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 3.744.110 đồng.

16. Bà Võ Thị T8 vay 04 lần, tổng số tiền là 100.000.000 đồng, lãi suất từ 118%/năm đến 166%/năm, gấp 5,9 đến 8,3 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Tổng số tiền gốc và lãi đã trả cho T là 110.000.000 đồng; trong đó, tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 1.287.671 đồng, tiền lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 8.712.329 đồng.

17. Ông Nguyễn Văn Quốc V vay 06 lần, tổng số tiền là 60.000.000 đồng, lãi suất từ 118%/năm đến 166%/năm, gấp 5,9 đến 8,3 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Tổng số tiền gốc và lãi đã trả cho T là 66.000.000 đồng; trong đó, tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 772.603 đồng, tiền lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 5.227.397 đồng.

18. Bà Bùi Thị Tố V1 vay 05 lần, tổng số tiền là 48.000.000 đồng, lãi suất từ 118%/năm đến 365%/năm, gấp 5,9 đến 18,25 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Tổng số tiền gốc và lãi đã trả cho T là 49.400.000 đồng; trong đó, tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 546.849 đồng, tiền lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 4.253.151 đồng. Bà V1 chưa trả 3.400.000 đồng cho T.

19. Bà Nguyễn Thị X vay 15 lần, tổng số tiền là 43.500.000 đồng, lãi suất từ 135%/năm đến 304%/năm, gấp 6,75 đến 15,2 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Tổng số tiền gốc và lãi đã trả cho T là 47.850.000 đồng; trong đó, tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự

là 478.356 đồng, tiền lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 3.871.644 đồng.

20. Nguyễn Ái V2 vay 01 lần, số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất vay 118%/năm, gấp 5,9 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Đã trả trước 1.000.000 đồng tiền lãi; trong đó, tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 169.863 đồng, tiền lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 830.137 đồng. V2 chưa trả tiền gốc.

Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2025/HS-ST ngày 20/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Quảng Ngãi).

- Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo Lương Thị T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35; Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106, Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

Xử phạt bị cáo Lương Thị T số tiền 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

- Về biện pháp tư pháp:

+ Buộc bị cáo Lương Thị T phải nộp số tiền 1.544.733.972 đồng sung ngân sách nhà nước.

+ Buộc bà Nguyễn Thị Thùy T4 phải nộp số tiền 23.400.000 đồng, bà Trần Thị Mỹ L phải nộp số tiền 10.000.000 đồng, bà Bùi Thị Tố V1 phải nộp số tiền 3.400.000 đồng, ông Nguyễn Ái V2 phải nộp số tiền 10.000.000 đồng để sung ngân sách nhà nước.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 03/4/2025, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi (Nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – Quảng Ngãi) có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 375/QĐ-VKS-NH, kháng nghị một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2025/HS-ST ngày 20/3/2025 của TAND huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi, đề nghị sửa bản án hình sự sơ thẩm số 17/2025/HS-ST ngày 20/3/2025 của TAND huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi, cụ thể:

- Về hình phạt: Tăng mức hình phạt, áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo Lương Thị T.

- Về biện pháp tư pháp:

+ Buộc Lương Thị T trả lại phần thu lợi bất chính cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan với tổng số tiền là 125.729.863 đồng, gồm: Bà Đặng Thị Thu H 4.567.123 đồng, bà Nguyễn Thị Thu H1 4.448.219 đồng, bà Trần Thị

Bích H2 7.046.301 đồng, bà Trịnh Thị Kiều H3 1.327.397 đồng, bà Trần Thị Mỹ L 24.167.123 đồng, bà Võ Thị N 15.153.425 đồng, bà Trần Thị Cẩm N1 649.315 đồng, bà Phạm Thị P 516.164 đồng, bà Huỳnh Thị Công Q 8.591.507 đồng, bà Trần Thị Kim T2 3.063.014 đồng, bà Nguyễn Thị Thùy T4 44.576.712 đồng, bà Nguyễn Thị Thùy T5 1.446.575 đồng, bà Lê Thị Kim T6 526.027 đồng, bà Bùi Thị Hồng T7 3.744.110 đồng, ông Nguyễn Văn Quốc V 5.227.397 đồng và ông Nguyễn Ái V2 830.137 đồng.

+ Buộc bị cáo Lương Thị T nộp sung ngân sách Nhà nước phần thu lợi bất chính đã thu của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không nhận lại số tiền này với tổng số tiền là 17.086.165 đồng, gồm: Bà Trần Thị Thanh T3 249.041 đồng, bà Võ Thị T8 8.712.329 đồng, bà Bùi Thị Tố V1 4.253.151 đồng và bà Nguyễn Thị X 3.381.644 đồng.

Ngày 14/8/2025, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi có Quyết định số 319/QĐ-VKS rút một phần Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 375/QĐ-VKS-NH ngày 03/4/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hành (Nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Quảng Ngãi) về hình phạt đối với bị cáo Lương Thị T.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 342, điểm b khoản 1 Điều 355, điểm a khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, đình chỉ xét xử phần kháng nghị về hình phạt đối với bị cáo Lương Thị T; chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi (Nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – Quảng Ngãi), sửa bản án sơ thẩm về phần biện pháp tư pháp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Ngày 14/8/2025 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi rút một phần nội dung kháng nghị về hình phạt đối với bị cáo Lương Thị T, căn cứ Điều 342 Bộ luật Tố Tụng hình sự, đình chỉ xét xử đối với phần kháng nghị về hình phạt đối với bị cáo, phần Quyết định về hình phạt của bị cáo Lương Thị T của Bản án số 17/2025/HS-ST ngày 20/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi (Nay là Toà án nhân dân Khu vực 5 – Quảng Ngãi) có hiệu lực pháp luật kể từ ngày đình chỉ xét xử phúc thẩm (Ngày 18/8/2025).

[2] Hành vi của bị cáo Lương Thị T: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Lương Thị T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập tại hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ cuối năm 2019 đến ngày 27/12/2023, Lương Thị T thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Bị cáo lợi dụng nhu cầu cần vay tiền của người dân nên đã cho 20 người trên địa bàn huyện

N và các huyện lân cận trong tỉnh Quảng Ngãi vay 204 lượt, tổng số tiền cho vay là 1.579.500.000 đồng, thu lợi bất chính tổng số tiền 142.816.028 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử Lương Thị T về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi:

Đối với số tiền 142.816.028 đồng là tiền lãi bị cáo đã thu của những người vay vượt mức quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tại mục [6.3] phần nhận định của bản án sơ thẩm ghi: “Do những người vay không có yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại số tiền trên nên Hội đồng xét xử không xem xét. Những người vay có tên nêu trên có quyền khởi kiện yêu cầu bị cáo trả lại số tiền lãi đã thu vượt mức quy định theo thủ tục tố tụng dân sự”. Đây là khoản tiền thu lợi bất chính bị cáo đã thu từ người vay và không có căn cứ người vay sử dụng tiền vay vào mục đích bất hợp pháp, nên phải trả lại cho người vay theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/01/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, trường hợp người vay không yêu cầu trả lại thì khoản tiền này phải sung ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi (nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – Quảng Ngãi), sửa bản án sơ thẩm về phần biện pháp tư pháp.

Buộc bị cáo Lương Thị T trả lại phần thu lợi bất chính cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cụ thể: Bà Đặng Thị Thu H 4.567.123 đồng, bà Nguyễn Thị Thu H1 4.448.219 đồng, bà Trần Thị Bích H2 7.046.301 đồng, bà Trịnh Thị Kiều H3 1.327.397 đồng, bà Trần Thị Mỹ L 24.167.123 đồng, bà Võ Thị N 15.153.425 đồng, bà Trần Thị Cẩm N1 649.315 đồng, bà Phạm Thị P 516.164 đồng, bà Huỳnh Thị Công Q 8.591.507 đồng, bà Trần Thị Kim T2 3.063.014 đồng, bà Nguyễn Thị Thùy T4 44.576.712 đồng, bà Nguyễn Thị Thùy T5 1.446.575 đồng, bà Lê Thị Kim T6 526.027 đồng, bà Bùi Thị Hồng T7 3.744.110 đồng, ông Nguyễn Văn Quốc V 5.227.397 đồng và ông Nguyễn Ái V2 830.137 đồng.

- Buộc bị cáo Lương Thị T nộp sung ngân sách Nhà nước 17.086.165 đồng thu lợi bất chính của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị Thanh T3, bà Võ Thị T8, bà Bùi Thị Tố V1 và bà Nguyễn Thị X do những người này không yêu cầu trả lại.

[4] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Bị cáo Lương Thị T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 342; điểm b khoản 1 Điều 355; điểm a khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng nghị về hình phạt đối với bị cáo Lương Thị T, phần quyết định về hình phạt đối với bị cáo Lương Thị T tại Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2025/HS-ST ngày 20/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Quảng Ngãi) có hiệu lực pháp luật kể từ ngày xét xử phúc thẩm (18/8/2025).

2. Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi (Nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – Quảng Ngãi), sửa bản án hình sự sơ thẩm số 17/2025/HS-ST ngày 20/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 – Quảng Ngãi).

2.1. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Buộc bị cáo Lương Thị T phải nộp số tiền 1.544.733.972 đồng sung ngân sách nhà nước (Một tỷ năm trăm bốn mươi bốn triệu bảy trăm ba mươi ba nghìn chín trăm bảy mươi hai đồng) và được khấu trừ số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) bị cáo Lương Thị T đã nộp tại biên lai thu tiền số: 0001298 ngày 13/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi (Nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 5 – Quảng Ngãi).

Buộc những người có tên sau phải nộp lại số tiền để sung ngân sách nhà nước, cụ thể:

- Bà Nguyễn Thị Thùy T4 phải nộp số tiền 23.400.000 đồng.
- Bà Trần Thị Mỹ L phải nộp số tiền 10.000.000 đồng.
- Bà Bùi Thị Tố V1 phải nộp số tiền 3.400.000 đồng.
- Ông Nguyễn Ái V2 phải nộp số tiền 10.000.000 đồng.

2.2. Buộc Lương Thị T trả lại phần thu lợi bất chính cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan với tổng số tiền là 125.729.863 đồng, cụ thể: Bà Đặng Thị Thu H 4.567.123 đồng, bà Nguyễn Thị Thu H1 4.448.219 đồng, bà Trần Thị Bích H2 7.046.301 đồng, bà Trịnh Thị Kiều H3 1.327.397 đồng, bà Trần Thị Mỹ L 24.167.123 đồng, bà Võ Thị N 15.153.425 đồng, bà Trần Thị Cẩm N1 649.315 đồng, bà Phạm Thị P 516.164 đồng, bà Huỳnh Thị Công Q 8.591.507 đồng, bà Trần Thị Kim T2 3.063.014 đồng, bà Nguyễn Thị Thùy T4 44.576.712 đồng, bà Nguyễn Thị Thùy T5 1.446.575 đồng, bà Lê Thị Kim T6 526.027 đồng, bà Bùi Thị Hồng T7 3.744.110 đồng, ông Nguyễn Văn Quốc V 5.227.397 đồng và ông Nguyễn Ái V2 830.137 đồng.

2.3. Buộc bị cáo Lương Thị T nộp sung ngân sách Nhà nước phần thu lợi bất chính đã thu của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu trả lại số tiền này với tổng số tiền là 17.086.165 đồng, gồm: Bà Trần Thị Thanh T3

249.041 đồng, bà Võ Thị T8 8.712.329 đồng, bà Bùi Thị Tố V1 4.253.151 đồng và bà Nguyễn Thị X 3.381.644 đồng.

3. Về án phí: Bị cáo Lương Thị T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Phòng hồ sơ – nghiệp vụ Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND, TAND khu vực 5 – Quảng Ngãi;
- Phòng THA dân sự khu vực 5 – Quảng Ngãi;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Lê Thị Mỹ Giang